TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Thanh Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 251/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lâm Đình A; nơi ĐKHKTT: Xóm X, Giao Yến, Giao Thủy, Nam Định; nơi ở hiện tại: Cộng hòa liên bang Đức; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Trà B, Nơi ĐKHKTT: Số Y, ngõ 246A, Đà Nẵng, Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Cộng hòa Liên bang Đức; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là Anh Lâm Đình A trình bày:

Anh Lâm Đình A kết hôn với Chị Nguyễn Thị Trà B trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Giao Yến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định vào ngày 29/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn ở Việt Nam rồi cả hai cùng đi lao động ở Cộng hòa liên bang Đức. Sau khi sang Đức, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cã. Anh và Chị B đã sống ly thân từ lâu. Hiện anh vẫn cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức còn Chị B ở đâu thì anh không rõ do vợ chồng đã ly thân từ lâu, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Qua liên lạc với chị gái của Chị B là chị Nguyễn Thị Minh Tâm, sinh năm 1984, địa chỉ tại 68/33 Chu Văn An, Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng, anh được biết Chị B vẫn thường xuyên liên lạc về với chị gái. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Trà B.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là Chị Nguyễn Thị Trà B:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị Nguyễn Thị Minh Tâm – là chị gái ruột của Chị Nguyễn Thị Trà B. Tòa án đã thông báo cho chị Nguyễn Thị Minh Tâm cung cấp địa chỉ cụ thể của Chị Nguyễn Thị Trà B ở Cộng hòa Liên bang Đức và yêu cầu chị Nguyễn Thị Minh Tâm cho biết kết quả về việc chị đã thông báo cho Chị Nguyễn Thị Trà B để gửi lời khai đối với yêu cầu xin ly hôn của Anh Lâm Đình A cho Tòa án. Chị Nguyễn Thị Minh Tâm trình bày Chị Nguyễn Thị Trà B vẫn liên lạc qua điện thoại với chị và gia đình nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của Chị Nguyễn Thị Trà B ở đâu do Chị B không cung cấp. Chị đã thông báo cho Chị Nguyễn Thị Trà B về yêu cầu của Tòa án tuy nhiên Chị B không thực hiện việc cung cấp địa chỉ và gửi lời khai về cho Tòa án. Chị B trao đổi qua điện thoại với chị như sau: Chị B có quan điểm đồng ý ly hôn với Anh A do vợ chồng không còn tình cảm, hai người đều có cuộc sống riêng và đã ly thân nhiều năm nay. Về con chung: Chị B và Anh A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của chị Nguyễn Thị Minh Tâm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh A và Chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Giao Yến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định vào ngày 29/9/2009. Sau khi kết hôn, Anh A và Chị B chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn tại Việt Nam rồi cả hai cùng đi lao động tại Đức. Sau khi sang Đức, anh chị thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn do không cùng chung quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh A được ly hôn Chị B theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị B và Anh A không có con chung. Về tài sản chung: Chị B, Anh A không yêu cầu giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho Anh Lâm Đình A được ly hôn Chị Nguyễn Thị Trà B. Về con chung, Anh A xác nhận Anh A và Chị B không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, Anh A không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn. Bị đơn là Chị Nguyễn Thị Trà B có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở Cộng hòa Liên Bang Đức, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Lâm Đình A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Trà B vắng mặt tại địa phương, sinh sống ở nước ngoài nhưng không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án và nguyên đơn biết. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, Chị Nguyễn Thị Trà B đã biết các văn bản tố tụng của Tòa án được gửi cho chị thông qua chị Nguyễn Thị Minh Tâm nhưng Chị B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Đình A và Chị Nguyễn Thị Trà B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giao Yến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định vào ngày 29/9/2009. Theo Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của Anh A và chị gái ruột của Chị B (chị Nguyễn Thị Minh Tâm) thể hiện quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến việc vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay, tình cảm của Anh A với Chị B không còn, vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị B đã biết việc Anh A xin ly hôn và có quan điểm đồng ý ly hôn với Anh A do vợ chồng không còn tình cảm, hai người đều có cuộc sống riêng và đã ly thân nhiều năm nay. Xét thấy, đời sống hôn nhân giữa Anh A và Chị B không tồn tại, anh chị đã ly thân trong một thời gian dài, mỗi người ở một nơi nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Lâm Đình A đối với Chị Nguyễn Thị Trà B.

[4] Về con chung: Anh Lâm Đình A xác nhận anh và Chị Nguyễn Thị Trà B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Lâm Đình A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lâm Đình A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Lâm Đình A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Đình A được ly hôn Chị Nguyễn Thị Trà B.

2. Về con chung: Anh Lâm Đình A xác nhận anh và Chị Nguyễn Thị Trà B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Lâm Đình A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lâm Đình A phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000163 ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Lâm Đình A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Lâm Đình A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Trà B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Giao Yến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phạm Mạnh Hùng - Nguyễn Thanh Hải	**Đặng Hồ Điệp**

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Luyến	**Đặng Hồ Điệp**